

5. | Choose the correct Letter then write down the correct meaning of each phrase.

① **Example** chī
吃 c eat a meal

② qǐ
起 _____

③ shuì
睡 _____

④ shuā
刷 _____

⑤ shū
梳 _____

⑥ fàng
放 _____

chuáng
床
A

bīng
冰
B

fàn
饭
C

jiào
觉
D

yá
牙
E

shū
书
F

tóu
头
G

zì
字
H

xué
学
I

gē
歌
J

xié
鞋
K

wǔ
舞
L

huá
滑

kàn
看

chàng
唱

tiào
跳

xiě
写

chuān
穿